

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày 18/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Trọng Sơn và ông Hồ Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Trình Ngọc Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023 đối với:

* Bị cáo: La Thanh E; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/10/1981, tại: tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: La Lan E1 (chết); Mẹ: La Thị E2, sinh năm 1939; Vợ: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/08/2023 đến ngày 28/01/2024, tại xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hương Quê – Luật sư, do trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên cử, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã M, do ông Nguyễn Văn M - Chủ tịch UBND xã M, Đại diện theo pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- NLQ1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện D, Phú Yên, có mặt.
- NLQ2, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện D, Phú Yên, có mặt.
- NLQ3, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, có mặt.
- NLQ4, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, vắng mặt.
- NLQ5, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2020, La Thanh E thuê NLQ1 đi đến khu vực rừng tại khoảnh 3, tiểu khu 73 (rừng do UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên) quản lý để phát dọn rừng cho E, với hình thức vòng đổi công cho nhau. Tại đây, E và NLQ1 sử dụng rựa, máy phát chôi, máy cưa lần lượt chặt hạ, phát trắng toàn bộ cây rừng liên tục trong thời gian 06 ngày, được diện tích 19.400m² thì nghỉ, chờ đốt thực bì. Khoảng cuối tháng 7/2020, E một mình đi đến khu vực rừng trên phát dọn làm ranh cản lửa để đốt thực bì. Sau đó, E nhờ NLQ5, NLQ4 và NLQ1 cùng đi với mục đích dập lửa nếu có cháy lan. Đến tháng 9/2020, E tiến hành trồng cây keo trên toàn bộ diện tích đã phát dọn. Ngày 15/4/2021, Hạt Kiểm lâm huyện D và UBND xã M, huyện D tiến hành kiểm tra, phát hiện, lập biên bản.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 690/KLGD-CCKL ngày 05/7/2021 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Diện tích rừng bị chặt phá tại khoảnh 3, tiểu khu 73 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên là 19.400m², hiện trạng rừng tự nhiên, quy hoạch chức năng rừng phòng hộ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39/KL-ĐGTTHS ngày 24/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện D kết luận: Giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ phá rừng là 280.781.410 đồng (trong đó, thiệt hại về lâm sản là 56.156.281 đồng, thiệt hại về môi trường là 224.625.129 đồng).

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKSĐX ngày 13/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo La Thanh E về tội: "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Kết luận bị cáo La Thanh E phạm tội: "Huỷ hoại rừng". Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo La Thanh E phạm tội Huỷ hoại rừng.

- Về hình phạt chính: E nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo La Thanh E 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: E nghị HĐXX Áp dụng Điều 47, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa có cán và lưỡi dài 67cm, gồm có 01 khâu, mũi rựa bị gãy, đã qua sử dụng.

+ Lâm sản bị thiệt hại trong vụ án là 29,701m³ gỗ tròn (phẩm chất C): Đã xử lý bàn giao cho UBND xã M, huyện D quản lý, bảo quản theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 11/7/2021 giữa Hạt Kiểm lâm huyện D và UBND xã M, huyện D).

- Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên yêu cầu bị cáo La Thanh E bồi thường số tiền 280.781.410 đồng. Bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng. E nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 270.781.410 đồng

UBND xã M, huyện D được nhận số tiền 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với khoản tiền chưa bồi thường, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với NLQ1: Là nhân công, có hành vi tham gia phát rừng cho La Thanh E tại khoảnh 3, tiểu khu 73 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên. Hành vi của NLQ1 có dấu hiệu của tội Huỷ hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua điều tra nhận thấy, bản thân NLQ1 là cháu rể, tham gia phát rừng theo yêu cầu của E, với hình thức vòng đời công, NLQ1 không có bàn bạc gì từ trước với E và cũng không hưởng lợi gì trên diện tích rừng đã chặt phá, bản thân NLQ1 không biết khu rừng trên là do Nhà nước quản lý, không được chặt phá. Mặt khác, NLQ1 là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của NLQ1 gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện D áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với NLQ1 mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với NLQ4, NLQ5: Không tham gia vào việc chặt phá rừng cùng với La Thanh E và NLQ1 mà chỉ được E nhờ đi cùng để dập lửa nếu có cháy lan khi đốt thực bì nên không xem xét xử lý.

Đối với các cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng: Cơ quan CSĐT Công an huyện D sẽ tiếp tục điều tra, đề nghị xử lý sau.

Luật sư bào chữa cho bị cáo La Thanh E là ông Nguyễn Hương Quê, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có gửi bản luận cứ với nội dung sau:

Về nội dung vụ án, tội danh, Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đều thống nhất như nội dung cáo trạng của viện kiểm sát đã nêu. E nghị HĐXX xem xét áp dụng Điều 54 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

Về trách nhiệm dân sự: E nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố; bị cáo nói lời sau cùng: Nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự, luật sư vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293 BLTTHS.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo La Thanh E đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Với mục đích lấy đất để trồng keo nên khoảng tháng 6/2020, La Thanh E đã có hành vi thuê NLQ1 cùng đi đến khu rừng do UBND xã M, huyện D quản lý thuộc khoảnh 3, tiểu khu 73 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên dùng rựa, máy phát chôi, máy cưa chặt phá rừng tự nhiên, chức năng rừng phòng hộ, với diện tích 19.400m², gây thiệt hại 280.781.410 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 BLHS.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo biết rõ việc chặt phá rừng bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì thiếu đất sản xuất, mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, trực tiếp cùng với NLQ1 sử dụng rựa phát dọn rừng dưới hình thức phát trắng, gây thiệt hại diện tích rừng là 19.400m². Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của nhà nước về chính sách quản lý bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên và môi trường, gây mất cân bằng sinh thái. Vì vậy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho UBND xã M; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo; nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo có cha La Lan E1 (Ma Điệp) được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Xét đề nghị của kiểm sát viên và lời bào chữa của luật sư, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì vậy HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng Điều 54 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án vừa phải và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm, đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người biết ăn năn hối cải.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu, tiêu hủy 01 cái rựa (có cán và lưỡi dài 67cm).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Văn M – Chủ tịch UBND xã M yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 280.781.410 đồng; Bị cáo đã nộp khắc phục 10.000.000đ đồng, nên còn phải tiếp tục bồi thường 270.781.410 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên được miễn án phí HS-ST và án phí DS-ST.

[7] Đối với NLQ1: Là cháu rể, tham gia phát rừng theo yêu cầu của E, với hình thức vòng đời công, NLQ1 không có bàn bạc gì từ trước với E và cũng không hưởng lợi gì trên diện tích rừng đã chặt phá, bản thân NLQ1 không biết khu rừng trên là do Nhà nước quản lý, không được chặt phá. Mặt khác, NLQ1 là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ nên

nhận thức pháp luật còn hạn chế. Xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của NLQ1 gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện D áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với NLQ1 mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là phù hợp.

- Đối với NLQ4, NLQ5: Không tham gia vào việc chặt phá rừng cùng với La Thanh E và NLQ1 mà chỉ được E nhờ đi cùng để dập lửa nếu có cháy lan khi đốt thực bì nên không xem xét xử lý.

- Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 3, tiểu khu 73 xã M, huyện D: Cơ quan CSĐT Công an huyện D tiếp tục điều tra, làm rõ, nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo La Thanh E phạm tội: "*Hủy hoại rừng*".

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 54 và Điều 65 BLHS.

Xử phạt: La Thanh E 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo La Thanh E phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 280.781.410 đồng, bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường 270.781.410 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu bảy trăm tám mươi một ngàn bốn trăm mười đồng*); Giao cho UBND xã M được nhận số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo La Thanh E nộp khắc phục tại Chi cục Thi hành án huyện D (Theo biên lai thu số 0000327 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án huyện D).

Kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo La Thanh E chưa thi hành án đối với khoản tiền còn lại, sẽ phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thanh toán theo mức lãi xuất do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu huỷ 01 cái rựa có cán và lưỡi dài 67cm. (*Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 17/10/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện D với Chi cục Thi hành án dân sự huyện D*).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo La Thanh E được miễn nộp án phí HS-ST và án phí DS-ST.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- CC THADS huyện D;
- UBND xã M.
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Ngọc Trung